



ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN KỶ NIỆM 41 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975-30/4/2016)

I. Chặng đường lịch sử, chiến công oanh liệt của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước

1. Bối cảnh quốc tế và trong nước

Trên thế giới, sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đế quốc Mỹ có tiềm lực rất mạnh, nổi lên cầm đầu phe đế quốc, hiếu chiến và âm mưu bá chủ thế giới, từng bước khẳng định sự có mặt ở Đông Dương. Sau thất bại của thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ, chủ nghĩa thực dân cũ sụp đổ, đế quốc Mỹ nhảy vào miền Nam Việt Nam, áp đặt chủ nghĩa thực dân mới, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Lúc này trên thế giới đã phân chia thành hai hệ thống đối đầu gay gắt bằng cuộc “chiến tranh lạnh” và chạy đua vũ trang quyết liệt. Hệ thống chủ nghĩa xã hội (CNXH), phong trào công nhân ở các nước tư bản, phong trào giải phóng dân tộc ở khắp nơi trên thế giới dâng cao.

Trong nước, sau chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp, miền Bắc được giải phóng và bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam vẫn dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai. Đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước trở thành nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân tộc ta.

2. Những bước phát triển của cuộc kháng chiến

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta trải qua gần 21 năm, là cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ và nhiều thách thức, ác liệt. Đảng và nhân dân ta phải đấu trí và đấu sức chống tên đế quốc giàu mạnh và hung bạo nhất trong phe đế quốc. Cuộc kháng chiến này đã trải qua nhiều giai đoạn, phải đối phó lần lượt với các kế hoạch, chiến lược của đế quốc Mỹ.

a. Giai đoạn từ tháng 7/1954 đến hết năm 1960: Đấu tranh giữ gìn lực lượng, chuyển dần sang thế tiến công, làm thất bại bước đầu phương thức chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ.

Những chiến thắng oanh liệt trong kháng chiến chống thực dân Pháp mà đỉnh cao là Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 đã buộc thực dân Pháp và can thiệp Mỹ phải ký Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và Đông Dương, cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Campuchia và Lào. Nhưng với những mưu đồ đã dự tính từ trước, đế quốc Mỹ trắng trợn phá hoại Hiệp định Giơnevơ, hất cẳng Pháp, gạt bỏ những thế lực tay sai của Pháp, dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, thực hiện chính sách thực dân mới, mưu đồ chia cắt lâu dài đất nước ta. Chính quyền Mỹ - Diệm tập trung thực hiện biện pháp “tố cộng”, “diệt cộng” đàn áp, khủng bố phong trào yêu nước, trả thù những người kháng chiến cũ, tiêu diệt cơ sở cách mạng ở miền Nam, ban hành Luật 10/59 “đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật”, biến cả miền Nam thành nơi tràn ngập nhà tù, trại giam, trại tập trung. Cách mạng miền Nam bị chìm trong biển máu.

Đứng trước tình thế mới, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo quần chúng và dân cả nước thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: Một là cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành căn cứ vững mạnh của cách mạng cả nước. Hai là Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam nhằm giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà. Thực hiện nhiệm vụ trên, miền Bắc tích cực triển khai những công việc bộn bề sau chiến tranh, nhanh chóng tổ chức cuộc sống mới. Trong ba năm (1958-1960), chúng ta đã hoàn thành về cơ bản công cuộc cải tạo XHCN, căn bản xoá bỏ chế độ bóc lột, bước đầu xây dựng, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội theo con đường đi lên CNXH, chuẩn bị một số nội dung cho cách mạng cả nước trong giai đoạn mới. Ở miền Nam, cuộc đấu tranh diễn ra vô cùng khó khăn, ác liệt, nhưng đại bộ phận nhân dân vẫn một lòng theo Đảng, bất khuất chống áp bức, khủng bố, bảo vệ lực lượng cách mạng. Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng ra đời, xác định rõ mục tiêu, phương pháp cách mạng miền Nam, mối quan hệ chiến lược của cách mạng hai miền, giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới; phản ánh đúng nhu cầu của lịch sử, giải quyết kịp thời yêu cầu phát triển của cách mạng miền Nam; định hướng và động viên nhân dân miền Nam vùng lên đấu tranh, tạo ra phong trào Đồng Khởi (1959 - 1960), xoay chuyển tình thế cách mạng miền Nam, làm tan rã hàng loạt bộ máy của quyền ở các thôn, xã.

b. Giai đoạn từ đầu năm 1961 đến giữa năm 1965: Giữ vững và phát triển thế tiến công, đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ.

Từ cuối năm 1960, đế quốc Mỹ thay đổi chiến lược, chuyển sang chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” đối phó với cách mạng miền Nam. Đó là chiến lược dùng quân đội ngụy tay sai làm công cụ tiến hành chiến tranh, càn quét, dồn dân vào ấp chiến lược, đưa 10 triệu nông dân miền Nam vào các trại tập trung, tách lực lượng cách mạng ra khỏi nhân dân. Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam chuyển sang giai đoạn mới, từ khởi nghĩa từng phần lên chiến tranh cách mạng, kết hợp song song cả đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị, đánh địch bằng cả ba mũi giáp công, trên cả ba vùng chiến lược, làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ và tay sai. Trên miền Bắc, các mặt trận kinh tế, văn hoá, an ninh quốc phòng đều có bước phát triển mới. Quân và dân miền Bắc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu và chi viện cho miền Nam.

c. Giai đoạn từ giữa năm 1965 đến hết năm 1968: Phát động toàn dân chống Mỹ cứu nước, đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ ở miền Nam, đánh thắng cuộc phá hoại bằng không quân, hải quân lần thứ nhất ở miền Bắc.

Trước nguy cơ phá sản của “Chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, sử dụng quân đội Mỹ là lực lượng cơ động chủ yếu tiêu diệt bộ đội chủ lực ta; dùng ngụy quân, ngụy quyền để bình định, kìm kẹp nhân dân, âm mưu đánh bại cách mạng miền Nam trong vòng 25 đến 30 tháng (từ giữa năm 1965 đến hết năm 1967), đẩy mạnh chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân.

Trên chiến trường miền Nam, quân và dân ta đã đánh thắng quân xâm lược Mỹ ngay từ những trận đầu khi chúng vừa đổ bộ vào. Tiếp theo những trận thắng

oanh liệt ở Núi Thành, Vạn Tường, Plâyme, Đất Cuốc, Bầu Bàng, ta lại đánh bại ba cuộc hành quân lớn của Mỹ vào miền Đông Nam Bộ, đánh thắng lớn ở các chiến trường Tây Nguyên, miền Tây khu V, Đường 9, đồng bằng Nam Bộ và các mục tiêu chủ yếu của địch ở các thành phố lớn. Quân dân miền Bắc tiếp tục đánh trả cuộc tiến công của Mỹ bằng không quân và hải quân, giành những thắng lợi lớn trên nhiều mặt, bảo đảm giao thông thông suốt, chi viện sức người, sức của ngày càng lớn cho miền Nam. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 đã giáng một đòn quyết định vào chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Hội nghị Pari, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta bước vào giai đoạn mới.

d. Giai đoạn từ năm 1969 đến năm 1973: Phát huy sức mạnh liên minh chiến đấu Việt Nam với Lào, Campuchia, làm thất bại một bước chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”, đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân lần thứ hai ở miền Bắc, tạo thế mạnh trong đàm phán.

Đế quốc Mỹ thi hành chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”, từng bước mở rộng chiến tranh sang Campuchia, Lào. Thủ đoạn xảo quyệt của Mỹ là thực hiện chiến tranh hủy diệt và chiến tranh giành dân, chiến tranh bóp nghẹt để làm suy yếu cuộc kháng chiến của nhân dân ta trên cả hai miền Nam - Bắc. Quân và dân ta phối hợp với quân, dân hai nước Lào, Campuchia đánh bại một bước quan trọng chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”. Những thắng lợi của chiến tranh cách mạng ba nước Đông Dương trong hai năm 1970-1971 đã tạo thuận lợi cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Nhờ chuẩn bị tốt lực lượng, nhằm đúng thời cơ, quân và dân ta đã liên tiếp giành thắng lợi lớn trên chiến trường, nhất là cuộc tiến công chiến lược năm 1972 và đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai ở miền Bắc, nổi bật là đánh thắng cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ, làm thay đổi cục diện chiến trường, cục diện chiến tranh. Trong đàm phán, chúng ta cũng khôn khéo tiến công địch, phối hợp chặt chẽ giữa “đánh và đàm”, buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pari, rút hết quân Mỹ và quân các nước chư hầu ra khỏi miền Nam. So sánh lực lượng thay đổi hẳn, có lợi cho ta, tạo điều kiện cơ bản nhất để ta giành thắng lợi cuối cùng.

e. Giai đoạn từ cuối năm 1973 đến ngày 30/4/1975: Tạo thế và lực, tạo thời cơ, kiên quyết tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, kết thúc thắng lợi trọn vẹn cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau khi ký Hiệp định Pari, mặc dù buộc phải rút hết quân nhưng đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục âm mưu dùng ngụy quân, ngụy quyền làm công cụ để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam. Mỹ tăng cường tiền của, vũ khí, phương tiện chiến tranh cho ngụy lần đất, giành dân, khống chế nhân dân, thực hiện các hoạt động ngoại giao xảo quyệt để ngăn chặn sự phát triển của cách mạng miền Nam. Đến tháng 5/1973, xu thế chống phá Hiệp định Pari của địch ngày càng tăng. Chúng điên cuồng đánh phá hòng xoá bỏ vùng giải phóng của ta, đẩy lùi lực lượng cách mạng.

Tháng 7/1973, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 21 đã khẳng định con đường cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực và đề ra các nhiệm vụ lớn cho hai miền Nam - Bắc. Nửa cuối năm 1974, cuộc chiến tranh của quân và dân ta ở miền Nam chống lại chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” đã giành được thắng lợi. Ta ngày càng mạnh lên, nguy ngày càng suy yếu rõ rệt. Nước Mỹ lâm vào khủng hoảng nội bộ. Tháng 7/1974, Đảng ta chỉ đạo Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam xây dựng kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976, nếu thời cơ đến sẽ giải phóng miền Nam trong năm 1975. Thắng lợi toàn miền, nhất là của miền Đông Nam Bộ, đặc biệt là chiến thắng Phước Long cuối năm 1974 - đầu năm 1975 càng cho thấy thực tế suy yếu của quân nguy Sài Gòn và khả năng Mỹ khó quay lại Việt Nam. Đảng ta nhận định thời cơ giải phóng hoàn toàn miền Nam đã đến.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 bắt đầu từ ngày 4/3 bằng ba đòn chiến lược: Chiến dịch Tây Nguyên mở đầu bằng trận đột phá đánh chiếm Buôn Ma Thuột, giải phóng Tây Nguyên; Chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng và Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn - Gia Định kết thúc vào ngày 30/4. Qua gần 2 tháng chiến đấu với sức mạnh áp đảo về chính trị và quân sự, quân và dân ta đã giành được toàn thắng, kết thúc 21 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

3. Ý nghĩa lịch sử

- *Đối với Việt Nam:* Thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thành quả vĩ đại nhất của sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội do Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo; là trang sử hào hùng và chói lọi trên con đường dựng nước và giữ nước mấy ngàn năm của dân tộc. nhân dân ta đánh thắng kẻ thù lớn mạnh và hung hãn nhất của loài người tiến bộ; kết thúc oanh liệt cuộc chiến đấu 30 năm giành độc lập tự do, thống nhất cho đất nước; chấm dứt ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên đất nước ta; đánh dấu bước ngoặt quyết định trong lịch sử dân tộc, đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên độc lập tự do, cả nước đi lên CNXH.

- *Đối với thế giới:* Thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thắng lợi tiêu biểu của lực lượng cách mạng thế giới; góp phần thúc đẩy mạnh mẽ cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì mục tiêu độc lập dân tộc, hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội; cổ vũ, động viên các dân tộc đang tiến hành công cuộc giải phóng dân tộc, chống chủ nghĩa đế quốc; mở đầu sự phá sản của chủ nghĩa thực dân mới trên toàn thế giới.

4. Nguyên nhân thắng lợi

Một là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Hai là, nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân đã phát huy truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, một lòng đi theo Đảng, đi theo Bác Hồ, chiến đấu dũng cảm, ngoan cường, bền bỉ, lao động quên mình vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì CNXH và vì quyền con người.

Ba là, cả nước đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, trên dưới một lòng, triệu người như một, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Bốn là, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp đánh Mỹ và thắng Mỹ.

Năm là, đoàn kết, liên minh chiến đấu với nhân dân Lào và nhân dân Campuchia; đoàn kết quốc tế.

5. Bài học kinh nghiệm

Thứ nhất: Xác định đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm của cách mạng Việt Nam.

Thứ hai: Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Thứ ba: Vận dụng một cách sáng tạo, linh hoạt phương pháp đấu tranh cách mạng, phương thức tiến hành chiến tranh toàn dân và nghệ thuật quân sự chiến tranh toàn dân, xây dựng và phát triển lý luận chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Thứ tư: Chủ động, nhạy bén, linh hoạt trong chỉ đạo chiến lược chiến tranh cách mạng và nghệ thuật tạo và nắm thời cơ giành những thắng lợi quyết định.

Thứ năm: Phải luôn luôn chú trọng xây dựng Đảng trong mọi hoàn cảnh, nâng cao sức chiến đấu và phát huy hiệu lực lãnh đạo của Đảng.

II. Thành tựu sau 41 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước

1. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tháng 9/1975 đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước. Ngày 25/4/1976 cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tổ chức trên toàn quốc với hơn 23 triệu cử tri (98,8% tổng số cử tri) đi bầu. Quốc hội quyết định lấy tên nước là Cộng hoà XHCN Việt Nam (từ 2/7/1976). Quốc kỳ là lá cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài Tiến quân ca, Quốc huy là “Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Hà Nội là thủ đô của nước Việt Nam thống nhất. Thành phố Sài Gòn đổi tên thành Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước đã tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy toàn diện sức mạnh phát triển đất nước, tạo điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên CNXH, có những khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc và mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới. Từ đó đến nay, nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, thực hành dân chủ, phát huy sức sáng tạo của nhân dân, được quán triệt trong nhiệm vụ xây dựng một nhà nước pháp quyền XHCN thực sự của dân, do dân, vì dân. Quốc hội có những bước đổi mới quan trọng, từ khâu bầu cử đại biểu đến hoàn thiện cơ cấu tổ chức, phương thức hoạt động, làm tốt hơn chức năng lập pháp, giám sát và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước, tăng cường và lắng nghe ý kiến cử tri. Nâng cao sức chiến đấu, vai trò, vị trí của Đảng cầm quyền, chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức được tăng cường. Chính phủ có nhiều cải tiến trong phương thức hoạt động, trong thực hiện cải cách hành chính theo tinh thần phục vụ nhân dân. Hệ thống chính trị được củng cố, phân

định rõ hơn trách nhiệm và quyền hạn, đảm nhiệm ngày càng toàn diện hơn việc lãnh đạo, quản lý sự phát triển đất nước.

2. Kinh tế đạt được nhiều thành tựu quan trọng, văn hóa - xã hội có bước tiến bộ rõ nét. Từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, chịu hậu quả nặng nề của nhiều năm chiến tranh, lại bị bao vây cấm vận, Việt Nam đã vượt lên, phát triển kinh tế khá nhanh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức sở hữu, tích cực và chủ động hội nhập quốc tế. Đất nước ta không những đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, phá được thế bao vây cấm vận, vượt qua những tác động tiêu cực của khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực và thế giới những năm 1997-1998 và cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu những năm gần đây mà vẫn giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô. Hàng hoá trên thị trường dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi. Kinh tế đối ngoại phát triển mạnh, mở rộng hơn trước về quy mô, hình thức, góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội. Mức tăng trưởng GDP bình quân 6-7%/năm, đặc biệt giai đoạn 1990-2000 đạt 7,5%; giai đoạn 2001-2005 đạt 7,51%, riêng năm 2006 là 8,23% và năm 2007 là 8,48%. Năm 2008, do tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động, ảnh hưởng đến nền kinh tế đất nước, GDP chỉ đạt 6,23%. Trong các năm từ 2009 đến 2014 tăng trưởng GDP lần lượt là 5,32%; 6,78%; 5,89%; 5,03%; 5,4%; 5,98%. Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN tiếp tục được hoàn thiện. Quan hệ sản xuất ngày càng phù hợp hơn, tạo điều kiện phát triển lực lượng sản xuất. Các loại thị trường từng bước được hình thành và phát triển, gắn kết ngày càng tốt hơn với thị trường thế giới.

Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Từ năm 2008 chúng ta đã đạt mức thu nhập bình quân đầu người trên 1.000 đô la, vượt qua ngưỡng nước nghèo chậm phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Đến năm 2015 thu nhập bình quân đầu người đạt 36,7 triệu đồng. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 58% năm 1993 xuống còn 3,35% năm 2015. Chỉ số phát triển con người (HDI) thuộc nhóm trung bình cao của thế giới. Năm 2000, cả nước đã đạt chuẩn quốc gia về xoá nạn mù chữ. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có tiến bộ. Tuổi thọ của người dân ngày càng tăng. Phúc lợi và an sinh xã hội được coi trọng và từng bước mở rộng. Công tác chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng được Đảng, Nhà nước và cả xã hội quan tâm. Vấn đề tạo điều kiện ưu đãi về tín dụng, đào tạo nghề, phát triển sản xuất, xoá đói giảm nghèo cho đối tượng chính sách được quan tâm. Công tác giải quyết việc làm và xoá đói, giảm nghèo đạt kết quả tốt; sự nghiệp giáo dục có bước phát triển mới về quy mô, đa dạng hoá về loại hình trường lớp; khoa học công nghệ và tiềm lực khoa học - công nghệ có bước phát triển nhất định; những giá trị văn hoá đặc sắc của dân tộc được kế thừa và phát triển, giao lưu hợp tác văn hoá với nước ngoài được mở rộng, các tài năng văn hoá - nghệ thuật được khuyến khích; chính sách phát triển nguồn nhân lực được chú trọng.

3. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường; chính trị - xã hội ổn định; độc lập, chủ quyền quốc gia được giữ vững; tiềm lực an ninh, quốc phòng ngày càng lớn mạnh. 41 năm qua, chúng ta đã bảo vệ

được thành quả cách mạng, bảo vệ chế độ XHCN, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh phát triển kinh tế, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, củng cố lòng tin của nhân dân vào sự nghiệp đổi mới, nâng cao trình độ hiểu biết về quốc phòng, an ninh và ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng và phát triển tiềm lực quốc phòng theo hướng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại và có đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội.

4. Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng, vị thế Việt Nam trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp. Chúng ta đã phá vỡ thế bao vây cấm vận, mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hoá, đa dạng hoá, giữ vững độc lập chủ quyền quốc gia, xác lập được quan hệ ổn định với các nước lớn; có quan hệ ngoại giao với hơn 180 nước, quan hệ kinh tế thương mại với hơn 200 nước và vùng lãnh thổ; là thành viên của nhiều tổ chức, diễn đàn quốc tế ASEAN, ASEM, APEC, WTO, TPP,...; tích cực tham gia giải quyết những vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển đảo với các nước liên quan, góp phần giữ vững môi trường hoà bình khu vực và thế giới.

III. Những đóng góp trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và những thành tựu trong công cuộc đổi mới công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang tỉnh Ninh Bình

1. Những đóng góp trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Với 2 nhiệm vụ chiến lược của Đảng *“Xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước”*, Đảng bộ, quân và dân Ninh Bình phấn khởi, hăng hái, nỗ lực thi đua lao động, sản xuất khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển văn hoá xã hội, xây dựng đời sống ấm no hạnh phúc.

Cuối năm 1954, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, phản động trắng trợn tổ chức một cuộc di cư lớn đưa dân miền Bắc vào miền Nam, chủ yếu là đồng bào công giáo ở địa phận Phát Diệm. Cùng với toàn Đảng, toàn dân, LLVT Ninh Bình được điều động vào các tổ, đội công tác về từng thôn, xóm có đông đồng bào công giáo tuyên truyền, giải thích chính sách của Đảng và Chính phủ, vạch rõ âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, vận động đồng bào yên tâm ở lại xây dựng quê hương.

Vừa tham gia các hoạt động, vừa tích cực xây dựng phát triển lực lượng. Đến cuối năm 1955 số cán bộ, đội viên du kích mới bổ sung, phát triển trong cả tỉnh lên tới 4.198 người, đưa tổng số dân quân, tự vệ lên 8.994 người tăng 1,35 lần so với tháng 7/1954.

Trong 3 năm (1958-1960) thành tựu về xây dựng LLVT và củng cố quốc phòng của tỉnh đã có sự phát triển vượt bậc được Chính phủ tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhất (năm 1959). Tỉnh đội 3 năm liền được Tổng cục Chính trị tặng Cờ Luân lưu *“Tỉnh đội khá nhất”*, được 20 tỉnh trên miền Bắc ký kết giao ước thi đua.

Bước vào kế hoạch dài hạn 5 năm (1961- 1965) tỉnh đã mở cuộc vận động *“Xây dựng DQTV, quân dự bị tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc, trở thành lực lượng hậu bị hùng mạnh của quân đội chính quy, hiện đại”*. LLVT được Đảng bộ, chính quyền và nhân dân đặc biệt quan tâm, ngày càng được củng cố và phát triển, làm tốt vai trò xung kích trong sản xuất và bảo vệ trị an, tích cực trấn áp bọn phản động lợi dụng tôn giáo hoạt động, giữ vững an ninh chính trị.

Miền Bắc trên đà phát triển đi lên CNXH, quan hệ sản xuất XHCN đang được củng cố và hoàn thiện thì đế quốc Mỹ sau thất bại thảm hại trong chiến lược *“Chiến tranh đặc biệt”* đã liều lĩnh, điên cuồng gây chiến tranh phá hoại ra miền Bắc. Với dã tâm *“đưa miền Bắc trở lại thời kỳ đồ đá”*, ngày 5/8/1964, đế quốc Mỹ dùng máy bay và tàu chiến đánh phá một số nơi từ vĩ tuyến 17 trở ra. Ngày 22/5/1965, máy bay Mỹ ném bom khu vực Nông trường Đồng Giao, doanh trại bộ đội Trung đoàn 154, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất đối với Ninh Bình. Giặc Mỹ đã tàn phá, huỷ diệt thị xã Ninh Bình gần như hoàn toàn, 123/125 xã, thị trấn trong tỉnh bị Mỹ ném bom bắn phá.

Mặc dù bị thua đau ở miền Nam và thất bại lớn trong cuộc chiến tranh phá hoại ở miền Bắc nước ta, nhưng Mỹ vẫn chưa từ bỏ âm mưu đen tối của chúng. Hồng cứu nguy cho quân nguy, cắt đứt sự chi viện của miền Bắc cho chiến trường miền Nam, Mỹ một lần nữa đưa lực lượng không quân, hải quân Mỹ đánh phá trở lại miền Bắc. Đối với Ninh Bình, từ ngày 13/4/1972 đến ngày 26/12/1972, Mỹ sử dụng 1.177 lần máy bay đánh phá 535 trận vào 523 mục tiêu, trong đó có 201 mục tiêu giao thông, 123 mục tiêu kinh tế, 174 mục tiêu dân cư. Đề điều, các công trình thủy lợi bị oanh tạc nhiều gấp 3,1 lần so với cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất.

Đáp lời kêu gọi thiêng liêng của Bác Hồ kính yêu *“Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt...”*, và *“Không có gì quý hơn độc lập tự do”*, dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, quân và dân trong tỉnh đã đoàn kết một lòng, vượt lên bom đạn, vừa hăng hái thi đua lao động sản xuất vừa anh dũng chiến đấu bảo vệ quê hương, đánh trả quyết liệt 2 cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, bắn rơi 90 máy bay, tiêu diệt và bắt sống 5 giặc lái. Quân dân Ninh Bình vinh dự bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 2.700 trên bầu trời miền Bắc, hai đơn vị ở huyện Kim Sơn là: Dân quân du kích xã Thượng Kiệm bắn rơi 2 chiếc; trung đội dân quân Kim Đài bắn rơi 5 chiếc được Nhà nước phong tặng danh hiệu *“Anh hùng LLVT Nhân dân”*.

Thực hiện khẩu hiệu: *“Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”*, thanh niên Ninh Bình hưởng ứng và tích cực tham gia phong trào thanh niên *“Ba sẵn sàng”*, phụ nữ tích cực tham gia phong trào *“Ba đảm đang”*, quân và dân Ninh Bình đã chi viện tích cực cho tiền tuyến, từ năm 1959 đến 1975 với 39 đợt tuyển quân, tỉnh ta đã có 59.785 thanh niên tham gia vào bộ đội (gấp 5,4 lần so với thời kỳ chống Pháp) chiến đấu trên khắp các chiến trường. Nhân dân và LLVT Ninh Bình vừa tích cực tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu vừa hăng say thi đua lao động sản xuất, góp phần cùng toàn dân đưa năng suất lúa mỗi năm một tăng, đảm bảo đời sống nhân dân. Từ năm 1965 đến năm 1975, nhân dân Ninh

Bình đã đóng góp hàng chục vạn tấn lương thực, thực phẩm chi viện cho cách mạng miền Nam.

Xây dựng và thành lập 5 tiểu đoàn bộ binh, 12 đại đội địa phương, 2 tiểu đoàn và đại đội pháo cao xạ 37 ly, 6 đại đội súng máy 12 ly 7 và 1 trung đội 14 ly 5, 4 tiểu đoàn và 2 đại đội công binh, 2 tiểu đoàn an dưỡng và 1 tiểu đoàn thu dung. Đã bổ sung cho chiến trường và các đơn vị chủ lực 3 tiểu đoàn và 4 đại đội bộ binh, 3 đại đội và 4 khẩu đội pháo cao xạ 37 ly, 4 đại đội 12 ly 7; 1 trung đội 14 ly 5, 1 đại đội du kích tham gia chiến đấu ở Quảng Trị năm 1972, 2 tiểu đoàn công binh và 3.000 thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến.

Đã huy động 3,5 triệu ngày công làm trận địa và công trình quốc phòng; 245.700 ngày công bốc dỡ và bảo quản an toàn 81.284 tấn hàng quốc phòng; vận chuyển 16.186 tấn hàng vào chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam; hàng chục vạn ngày công làm 2.467 km hào giao thông và 945.177 hầm hố; 665.723 công lao động phục vụ chiến đấu, giao thông vận tải và phòng tránh, cấp cứu.

Trong khói bom ác liệt của quân thù, với tinh thần không để mạch máu giao thông bị tắc, quân và dân Ninh Bình đã huy động 25.688 ngày công sửa chữa đường cũ, làm 8 tuyến đường giao thông mới, 18 km cầu đường bộ, 2 km cầu đường sắt, mở thêm 70 km đường bộ và 18 km đường sắt.

Tổ chức và nuôi dưỡng 1.480 thương binh, bệnh binh nặng từ chiến trường trở về; đỡ đầu nuôi dạy hơn 4.000 con em của tỉnh Quảng Bình và Vĩnh Linh (Quảng Trị)- tuyến lửa Anh hùng ra học tập tại tỉnh Ninh Bình.

Trải qua 21 năm kháng chiến vô cùng gay go, quyết liệt, với những hy sinh to lớn, Đảng bộ quân và dân Ninh Bình đã cùng với cả nước giành thắng lợi trọn vẹn với chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên xây dựng XHCN.

Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược Đảng bộ, nhân dân và LLVT Ninh Bình đã được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng LLVT nhân dân. Đến nay đã có trên 70 đơn vị xã, phường, thị trấn; 16 cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng LLVT Nhân dân; có 1.565 mẹ được phong và truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam Anh hùng", cùng hàng nghìn tập thể và cá nhân đã được khen thưởng Huân, Huy chương các loại; trên 34 nghìn gia đình chính sách, trong đó có hơn 16 nghìn con em Ninh Bình đã anh dũng hy sinh trong 2 cuộc kháng chiến; gần 14 nghìn thương binh đã để lại một phần thân thể của mình trên chiến trường cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

2. Những thành tựu trong thời kỳ đổi mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế

- Trong thời kỳ đổi mới, nhất là từ khi tái lập tỉnh Ninh Bình (năm 1992) đến nay, trải qua hơn 2 thập kỷ phát triển, dưới ánh sáng của đường lối đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo, phát huy truyền thống lịch sử và cách mạng của quê hương anh hùng, Đảng bộ, quân và dân tỉnh Ninh Bình đã đoàn kết, phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, tích cực đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành theo hướng chủ động, quyết liệt, toàn diện, dứt điểm và hiệu quả; kịp thời có những chủ trương, giải pháp linh hoạt; cùng với sự

nỗ lực, quyết tâm vượt qua khó khăn của các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp trong tỉnh nên đã giành nhiều thành tựu quan trọng, nổi bật là:

+ Kinh tế của tỉnh liên tục tăng trưởng khá, tạo bước đột phá về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, đồng thời có sự chuyển dịch giữa các thành phần kinh tế và các vùng trong tỉnh. Sản xuất công nghiệp ngày càng phát triển trở thành động lực chính để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các ngành dịch vụ phát triển trong đó du lịch đang từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đặc biệt là sản xuất lương thực đạt được những thành tựu đáng kể, góp phần đảm bảo an ninh lương thực.

Từ một tỉnh thuần nông, bước đầu đã hình thành rõ nét nền kinh tế phát triển theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Sản xuất công nghiệp phát triển với tốc độ khá nhanh, giá trị sản xuất công nghiệp năm 2015 đạt trên 33 nghìn tỷ đồng, tăng 21% so với năm 2014; tổng vốn đầu tư phát triển ước đạt trên 21 nghìn tỷ đồng, tăng 8,1%. Công tác xúc tiến đầu tư, phát triển doanh nghiệp được quan tâm chỉ đạo. Một số dự án, công trình trọng điểm được đẩy nhanh tiến độ: Đường ĐT 477, đường dân sinh Cầu vượt Tam Điệp, Quảng trường Đinh Tiên Hoàng,... Công tác quy hoạch được tập trung chỉ đạo, đã hoàn thành quy hoạch chi tiết một số phân khu.

Các ngành dịch vụ tiếp tục phát triển, đảm bảo phục vụ nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân. Hoạt động xuất nhập khẩu phát triển khá, kim ngạch xuất khẩu đạt trên 974 triệu USD, tăng 10,2% so với năm 2014 và vượt 17,4% so với kế hoạch. Thu ngân sách đạt 4.379 tỷ đồng, tăng 39% so với năm 2014, vượt 36% dự toán HĐND tỉnh.

Du lịch Ninh Bình phát triển mạnh, kết cấu hạ tầng du lịch được tăng cường, tạo ra bước phát triển có tính đột phá, năm 2015, tổng lượng khách đạt 6 triệu lượt, doanh thu đạt hơn 1.419 tỷ đồng, tăng 50,6% so với năm 2014.

Sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp có sự chuyển dịch tích cực, hình thành các vùng nguyên liệu chuyên canh gắn với các cơ sở chế biến và thị trường nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nhất là hàng nông sản chế biến để xuất khẩu. Sản xuất vụ đông được mở rộng; nhiều cây trồng mới có giá trị kinh tế cao được đưa vào sản xuất, góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống nông dân. Tổng giá trị sản xuất đạt 8.078,8 tỷ đồng, tăng 2,1% so với năm 2014, giá trị sản phẩm trên 1 ha đất canh tác đạt 97 triệu đồng. Sản lượng lương thực có hạt năm 2015 đạt gần 50 vạn tấn. Công tác xây dựng nông thôn mới được các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, được nhân dân tích cực hưởng ứng, sau 5 năm triển khai, đến hết năm 2015, toàn tỉnh đã có 40 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

+ Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện năng phát triển tương đối đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Quốc lộ 1A, Quốc lộ 10, đường 477 qua địa bàn tỉnh được cải tạo nâng cấp. Các tuyến tỉnh lộ, huyện lộ và hệ thống đường giao thông nông thôn được đầu tư

kiên cố hoá. Hệ thống thủy lợi được đặc biệt quan tâm đầu tư, phục vụ sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an toàn cho dân cư trong mùa lũ. Hệ thống điện bảo đảm phục vụ cơ bản nhu cầu điện sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn. Hạ tầng văn hoá – xã hội ngày càng hoàn thiện. Hạ tầng viễn thông không ngừng mở rộng, phát triển đến vùng sâu, vùng xa; 100 % số xã có điểm bưu điện văn hoá và đường truyền internet. Toàn tỉnh có 376 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 80,2 %.

+ Đời sống nhân dân trong tỉnh được cải thiện rõ rệt, các lĩnh vực giáo dục, y tế và các lĩnh vực xã hội khác từng bước được củng cố, phát triển. Công tác giải quyết việc làm đạt được nhiều tiến bộ, thu nhập của người lao động được nâng lên đáng kể, đời sống của dân cư thành thị và nông thôn được cải thiện rõ rệt. Đến năm 2015, GRDP bình quân đầu người đạt 36,7 triệu đồng. Tỷ lệ hộ dân được dùng điện đạt 100 %; tỷ lệ dân số được dùng nước sạch, nước hợp vệ sinh ở thành thị đạt 98,2%, ở nông thôn đạt 92 %. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 3,35 %, không còn hộ đói.

Sự nghiệp giáo dục đào tạo đạt được nhiều thành tựu mới. Chất lượng giáo dục đào tạo tiếp tục có chuyển biến tích cực ở tất cả các cấp học. Công tác đào tạo nghề tiếp tục được củng cố, chất lượng dạy và học nghề có nhiều chuyển biến tích cực. Lĩnh vực y tế đạt được những tiến bộ đáng kể. Hệ thống bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện, trạm y tế xã tiếp tục được đầu tư củng cố, xây dựng cơ sở mới. Lĩnh vực báo chí, phát thanh, truyền hình, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao tiếp tục phát triển, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của nhân dân, góp phần giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa quê hương và xây dựng con người vùng đất Cố đô, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập của tỉnh.

+ Công tác quốc phòng địa phương được tăng cường, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Các phong trào thi đua "Vì an ninh Tổ quốc", "Thực hiện 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân", phong trào quần chúng "Bảo vệ an ninh Tổ quốc", "Đảm bảo an toàn giao thông", mô hình "Tổ dân phố tự quản về an ninh trật tự", "Tổ dân phố 3 giảm",... được đẩy mạnh. Các phong trào thi đua "Sáng mãi phẩm chất Bộ đội Cụ Hồ", "Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ",... trong lực lượng quân sự địa phương được phát động liên tục, rộng khắp. Các cấp uỷ đảng, chính quyền đã quán triệt và thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế đi đôi với củng cố quốc phòng - an ninh; thường xuyên chăm lo, xây dựng lực lượng quân đội nhân dân, công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, góp phần trực tiếp giữ vững ổn định chính trị, tăng cường quốc phòng - an ninh, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội.

+ Hệ thống chính trị được củng cố, chất lượng hoạt động được nâng lên. Phương thức lãnh đạo của các cấp uỷ đảng từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục đổi mới; hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp được tăng cường. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ tỉnh được nâng cao, đã lãnh đạo quân và dân toàn tỉnh thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh qua từng giai đoạn, tạo ra sự phát triển mạnh mẽ, toàn diện và liên tục trên các lĩnh vực.

Năm 2015, lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công đại hội Đảng các cấp, nhiệm kỳ 2015-2020 và Đại hội Thi đua yêu nước tỉnh Ninh Bình lần thứ IV tạo thế và

lực mới cho sự phát triển. Công tác xây dựng Đảng được tập trung chỉ đạo toàn diện trên cả 3 mặt: Chính trị, tư tưởng, tổ chức; việc thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện Chỉ thị 06 của Bộ Chính trị (khóa X), Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị (khóa XI) về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) về “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” đạt được nhiều kết quả quan trọng. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng có sự đổi mới, nâng cao tính thuyết phục và tính chiến đấu, tăng cường nắm bắt tình hình để định hướng dư luận xã hội, tạo sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân. Công tác tổ chức cán bộ, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh được coi trọng. Công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường. Công tác dân vận tiếp tục đổi mới, tăng cường tiếp xúc, đối thoại, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp nhân dân. Công tác nội chính được chú trọng, lãnh đạo thực hiện hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về lĩnh vực nội chính.

Chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp ngày càng được nâng cao. Nội dung các kỳ họp hội đồng nhân dân các cấp có sự đổi mới và hiệu quả. Chức năng quyết định, giám sát của hội đồng nhân dân được thực hiện tốt hơn, từng bước đáp ứng tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của nhân dân, thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh.

Năng lực quản lý, điều hành của uỷ ban nhân dân các cấp được nâng lên, tăng cường phân cấp, tập trung giải quyết những vấn đề lớn, quan trọng, những vấn đề bức xúc ở cơ sở. Công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh, cải cách thủ tục hành chính có nhiều tiến bộ. Triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả cơ chế “một cửa”, từng bước nhân rộng cơ chế một cửa liên thông tại các huyện, thành phố, các sở, ngành và các xã, phường, thị trấn trong tỉnh.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng sát cơ sở, thiết thực, hiệu quả, chú trọng phát triển đoàn viên, hội viên. Công tác vận động quần chúng có nhiều chuyển biến rõ nét, các đoàn viên, hội viên đã thể hiện vai trò nòng cốt và tích cực tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong thời kỳ đổi mới (1986 - 2015), hàng chục tập thể và cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới.

IV. Phát huy tinh thần cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

1. Phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu của Đại thắng mùa Xuân 1975, động viên toàn thể dân tộc Việt Nam vững bước trên con đường xây dựng đất nước theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Lòng yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực, như: đấu tranh trong lĩnh vực tư tưởng bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc và an ninh chính trị, lao động sản xuất, nghiên cứu, học tập, xả thân cứu dân trong thiên tai, thảm họa, đoàn kết dân tộc, tương thân tương ái, gìn giữ phát huy bản sắc văn hóa dân tộc,... Vì vậy, các cấp, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị cần chủ động đề ra các hình thức tuyên truyền, giáo

dục phù hợp, bằng việc làm cụ thể, thiết thực nhằm khơi dậy và phát huy cao độ lòng yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân vào thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. *Phát huy cao độ tinh thần quyết chiến, quyết thắng của Đại thắng mùa Xuân 1975 để vượt qua mọi khó khăn, thử thách*, không cam chịu đói nghèo, lạc hậu, vươn lên tiến kịp thời đại, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững, có vị thế xứng đáng trên thế giới. Đó là khát vọng thiêng liêng của của dân tộc và cũng mãnh liệt như ý chí giành độc lập, thống nhất Tổ quốc. Để thực hiện được khát vọng đó, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta hãy nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức trước mắt, thi đua lao động, sản xuất, học tập và công tác tốt, góp phần thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp và chào mừng cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021.

3. *Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, là động lực chủ yếu, là nhân tố có ý nghĩa quyết định, bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, sự nghiệp đổi mới*. Toàn dân đoàn kết, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, hoàn cảnh, chung sức, đồng lòng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

4. *Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*. Thực hiện tốt Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế. Tăng cường giáo dục giữ vững tinh thần độc lập, tự chủ, tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc; phát huy nội lực của đất nước với sự giúp đỡ, hợp tác với các nước, tận dụng triệt để các nguồn lực trong và ngoài nước; giải quyết hài hòa các nhiệm vụ đối nội và đối ngoại. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho sự phát triển, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, nâng cao vị thế đất nước; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

5. *Đẩy mạnh xây dựng nếp sống văn hóa, giáo dục, đào tạo và bồi dưỡng con người mới* theo tinh thần Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014 của Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Đảng, Nhà nước và nhân dân đặt niềm tin vào thế hệ trẻ sẽ nối tiếp xứng đáng sự nghiệp của các thế hệ đi trước trong điều kiện mới, tiến quân vào khoa học và công nghệ, vươn tới những đỉnh cao của trí tuệ loài người, nâng tầm văn hóa trong cuộc sống, năng động, sáng tạo trong học tập, lao động, kinh doanh, trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và các hoạt động văn hóa, xã hội, trong nhiệm vụ bảo vệ quốc phòng, an ninh. Thế hệ thanh niên trước đây đã đảm đương xuất sắc vai trò xung kích trong Tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và các cuộc kháng chiến chống đế quốc, ngày nay là lực lượng xung kích, đi đầu trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

6. *Phát huy tri thức, kinh nghiệm quân sự, công tác tư tưởng trong Đại thắng mùa Xuân 1975 vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay*. Quốc phòng vững mạnh

sẽ góp phần trực tiếp vào việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, xã hội, bảo đảm và tạo điều kiện quan trọng cho việc thực hiện những mục tiêu chiến lược của đất nước. Kế thừa những tri thức, kinh nghiệm quân sự, công tác tư tưởng trong Đại thắng mùa Xuân năm 1975 vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay, các cấp, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị cần không ngừng nâng cao chất lượng hiệu quả của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục quốc phòng - an ninh; nâng cao ý thức trách nhiệm đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho mọi công dân; thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25-10-2013 của Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Kỷ niệm 41 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước chính là dịp chúng ta ôn lại những trang sử hào hùng của dân tộc, nhìn lại chặng đường phấn đấu xây dựng và phát triển đất nước, đồng thời nhận thức sâu sắc hơn giá trị, những bài học kinh nghiệm được tổng kết từ trong thực tiễn đấu tranh của dân tộc để tiếp thêm sức mạnh, ý chí quyết tâm trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN./.

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY